

Số: **20** /2022/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **22** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định

quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 34/TTr-BQL ngày 05/4/2022; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 80/BC-STP ngày 04/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định cụ thể như sau:

1. Sửa đổi điểm b và điểm c khoản 4 Điều 4 như sau:

“b) Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.

c) Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang, nhận chuyển quyền sử dụng đất của người có giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc được UBND cấp xã xác nhận tại thời điểm nhận chuyển nhượng, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 như sau:

“Hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở để bồi thường, hỗ trợ về đất theo Quy định này là hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở theo quy định của UBND tỉnh.”

3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 11 như sau:

“b) Đối với đất phi nông nghiệp có nguồn gốc do được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được thực hiện theo quy định sau đây:

- Trường hợp có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

- Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đơn giá 75.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi.

- Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại có hồ sơ, chứng từ chứng minh nhưng sau khi đã xác định mà thấp hơn mức bồi thường đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì xem xét hỗ trợ thêm cho bằng mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đơn giá 75.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi”.

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất (trừ trường hợp thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

b) Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đơn giá 75.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi.

c) Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại có hồ sơ, chứng từ chứng minh nhưng sau khi đã xác định mà thấp hơn mức bồi thường đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì xem xét hỗ trợ thêm cho bằng mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đơn giá 75.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi”.

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 17 như sau:

“4. Tổ chức kinh tế sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất; Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất phi nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

b) Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh (theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-

CP) thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đơn giá 75.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi.

c) Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại có hồ sơ, chứng từ chứng minh nhưng sau khi đã xác định mà thấp hơn mức bồi thường đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì xem xét hỗ trợ thêm cho bằng mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đơn giá 75.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài Nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, K16.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh